| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM ĐỘNG**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/2025/QĐST - DS | Kim Động, ngày 23 tháng 6 năm 2025 |

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST – DS ngày 19/5/2025.

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**I.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn 4, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970. Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn 4, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

+ Bà Dương Thị C, sinh năm 1985. Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**II.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà T, ông T, ông D, bà C đã thống nhất những nội dung sau:

- Về số nợ: bà T và ông T, ông D, bà C xác định tính đến ngày 13/6/2025 vợ chồng ông D, bà C còn nợ bà Thanh, ông T số tiền gốc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng*) theo như giấy biên nhận ngày 30/3/2024 là đúng.

- Về tiền lãi: Bà T, ông T tự nguyện không yêu cầu ông D, bà C phải thanh toán trả số tiền lãi cho ông bà, ông D, bà C nhất trí.

- Về phương án trả nợ: Bà T, ông T và ông D, bà C thỏa thuận: ông D, bà C thanh toán trả nợ cho bà T, ông T số tiền gốc là 200.000.000 đồng thành 04 lần, cụ thể:

+ Lần 1 từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025, ông D, bà C phải thanh toán trả cho bà T, ông T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

+ Lần 2 từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/3/2026, ông D, bà C phải thanh toán trả cho bà T, ông T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

+ Lần 3 từ ngày 01/4/2026 đến ngày 30/6/2026, ông D, bà C phải thanh toán trả cho bà T, ông T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

+ Lần 4 từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/9/2026, ông D, bà C phải thanh toán trả cho bà T, ông T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

*Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án các khoản tiền trên mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

**2. Về án phí:**

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm dân sự cho bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Xuân T.

+ Ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị C phải chịu 2.500.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV**. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh (Phòng KTNV và THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Oanh**